TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 195 /2019 /DS - ST Ngày 18 - 11 - 2019 V/v chia thừa kế theo di chúc	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiến Sĩ
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Thanh Liêm
Bà Trần Thị Cúc

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Giàu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 18 tháng 11 năm 2019, Tại toà án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số thụ lý số: 112/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp thừa kế theo di chúc theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 669/2019/QĐXXST- DS ngày 27/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Qu, sinh năm 1960; Cư trú tại: Ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh D. Có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Thành C, sinh năm 1971 (có mặt)
Chị Châu Thị Ch, sinh năm 1972 (vắng mặt)
Cùng trú tại: Ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Phạm Thị A , sinh năm: 1958; Cư trú tại: Ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh D. Có mặt.

2/ Bà Phạm Thị Gi, sinh năm: 1963; Cư trú tại: Ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh D. Có mặt.

3/ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn E – chi nhánh thành phố C; Địa chỉ: Phường G, thành phố C, tỉnh D. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Phạm Văn Qu trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha tên Phạm Ngọc K (chết năm 1980) và mẹ Biện Thị S (chết năm 2008) để lại phần đất có diện tích ngang 25m dài 83m, tổng diện tích 2075m^2. Đến năm 2004 mẹ ông có

lập di chúc nội dung cho ông phần đất ngang 10,5m x dài 83m, thời gian này ông không ở trên phần đất mẹ cho mà ở nhờ phần đất của người em tên Phạm Thị Gi. Phần đất này hiện nay do Phạm Thành C đã bán một phần không rõ diện tích còn lại bao nhiêu. Đến ngày 30/4/2010 âm lịch ông C có viết giấy tay nội dung đồng ý giao cho ông phần đất chiều ngang 9m, nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông C giao cho ông phần đất chiều ngang 09m x chiều dài 83m như nội dung ông C đã thỏa thuận tại phong bì bao thư.

Ông Phạm Thành C và bà Châu Thị Ch thống nhất trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ để lại có kích thước ngang 25m x dài 80m, tổng diện tích là 2015m^2. Vợ chồng ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2008. Khi cha mẹ còn sống đã cho đất các anh, em. Nay còn lại phần đất thổ cư ông Qu yêu cầu chia thì ông đồng ý giao cho ông Qu phần đất 6m chiều ngang x 40m chiều dài. Đối với tờ di chúc của mẹ ông do Qu cung cấp ông không biết và cũng không thừa nhận. Còn giấy thỏa thuận có nội dung ông chấp nhận cho ông Qu phần đất 09m chiều ngang do ông Qu cung cấp là không đúng vì ông không có viết giấy này.

Bà Phạm Thị A và bà Phạm Thị Gi trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha tên Phạm Ngọc K (chết năm 1980) và mẹ Biện Thị S (chết năm 2008) để lại, phần đất có tổng diện tích ngang 25m dài 83m, tổng diện tích 2075m^2. Đến năm 2004 mẹ bà có có lập di chúc nội dung cho lại Phạm Văn Qu phần đất ngang 10,5m x dài 83m. Đến ngày 30/4/2010 âm lịch ông C có viết giấy tay nội dung cho ông Qu phần đất chiều ngang 9m. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C giao trả đất cho ông Qu theo tờ di chúc, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại Đơn xin vắng mặt của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn E – Chi nhánh thành phố C (gọi tắt là Ngân hàng) thể hiện ông Phạm Thành C có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn tại Ngân hàng và món nợ vay này thuộc nhóm nợ xấu Ngân hàng đang xử lý thu hồi nợ nên không yêu cầu trong vụ án tranh chấp này. Do đó xin không tham gia tố tụng (vắng mặt tại các phiên họp hòa giải và xét xử).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau về chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của ông C cho ông Qu phần diện tích đất ngang 7m, dài 83m.Về án phí, chi phí tố tụng ông Qu phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ch đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự theo luật dịnh. Đối với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn E – Chi nhánh thành phố C xin được vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

[2] Về nội dung tranh chấp là phần diện tích đất có diện tích ngang 10,3m, dài 83m, tọa lạc tại ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh D. Ông Qu cho rằng năm 2004 mẹ ông là bà Biện Thị S có lập di chúc nội dung cho ông phần đất ngang 10,5m x dài 83m. Nay ông yêu cầu ông C trả lại ông phần diện tích đất này hoặc ông C giao cho ông phần diện tích đất chiều ngang 9m, dài 83m như C viết trên bìa phong bì thư, ngoài tra ông không yêu cầu gì thêm.

Đối với ông C thì cho rằng trước đây cha, mẹ đã cho đất ông Qu, còn tờ di chúc ông Qu cung cấp ông không hề hay biết, nay ông Qu yêu cầu ông giao phần diện tích đất ngang 10,5m, dài 83m theo tờ di chúc ông không đồng ý, mà ông chỉ đồng ý cho ông Qu phần diện tích đất ngang 07m, dài 83m.

Qua xem xét các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy nguồn gốc đất hiện nguyên và bị đơn đang tranh chấp là của cụ Phạm Ngọc K và Biện Thị S, sinh thời, cụ K và S có 05 người con gồm: Phạm Công Th; Phạm Văn Qu; Phạm Thị Gi; Phạm Thị A và Phạm Thành C. Quá trình chung sống có tạo lập được đất thổ cư và đất lập vườn ngang 25,5m, dài 83m; 07 công đất trồng lúa; 30 công đất làm vuông. Lúc còn sống cụ K và cụ S có chia cho các con gồm: Phạm Công Th 02 công đất trồng lúa và 10 công đất làm vuông; Phạm Văn Qu 02 công đất trồng lúa và 10 công đất làm vuông và Phạm Thành C 03 công đất trồng lúa và 10 công đất làm vuông, phần đất thổ cư và đất vườn còn lại chưa chia. Năm 1980 cụ K chết và năm 2008 cụ S chết, đều không để lại di chúc. Xét về thời hiệu chia thừa kế theo pháp luật trong vụ án này thì thời hiệu vẫn còn, nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa ông Qu, bà Gi, bà A đều xác định chỉ yêu cầu ông C giao đất cho ông Qu ngang 10,5m, dài 83m đất tọa lạc tại Ấp A, xã B, Tp. C, tỉnh D theo tờ di chúc được lập năm 2004 . Xét thấy việc các đương sự không yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là quyền tự định đoạt và sự tự nguyện của các đương sự nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu của ông Qu buộc ông C trả phần diện tích đất thổ cư ngang 10,5m, dài 83m theo tờ di chúc được lập ngày 10/12/2004. Vấn đề này Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của ông Qu là không có cơ sở. Bởi lẽ, theo lời trình bày của ông Nguyễn Thành Tr là người viết tờ di chúc xác định ông không có chứng kiến việc lập tờ di chúc, mà tờ di chúc trên là do ông Th đem lại nhờ ông viết dùm, còn nội dung cụ thể như thế nào ông không rõ và khi ông viết tờ di chúc chỉ có ông và ông Th, ngoài ra không có ai khác, điều này tại phiên tòa ông Qu cũng thừa nhận tờ di chúc trên là do ông Th đem lại cho ông Tr viết dùm. Như vậy, với lời trình bày của ông Tr cho thấy tờ di chúc mà ông Qu cung cấp được lập không đúng theo trình tự quy định tại các Điều 655, 656, 659 của Bộ luật dân sự năm 1995, cho nên tờ di chúc này không có giá trị pháp lý, vì vậy yêu cầu của ông Qu là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với việc ông Qu cho rằng ông Công hứa cho ông 09m ngang đất được viết trên bìa thư phong bì, nếu ông C đồng ý giao cho ông phần đất như đã hứa thì ông không yêu cầu chia phần đất theo tờ di chúc như đã nêu trên.Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng, tuy chữ viết là của ông C ghi trên bìa thư phong bì nhưng về nội dung và hình thức cho tặng quyền sử dụng đất không được thể hiện rõ ràng

và đúng theo trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định nên tờ giấy này không có giá trị pháp lý. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông C xác định chổ tình nghĩa anh em ruột với nhau nên ông tự nguyện chia cho ông Qu phần diện tích đất ngang 07m, dài 83m, tọa lạc tại ấp A, xã B, thành phố C để ông Qu cất nhà ở, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên chấp nhận.

Đối với ông Phạm Công Th hiện nay đã chết và ông Qu xác định chỉ yêu cầu chia thừa kế theo di chúc như đã phân tích trên nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của những người thuộc hàng thừa kế của ông Th, vì vậy Hội đồng xét xử không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp.

[3] Về chi phí giám định, đo đạc thẩm định tại chổ do yêu cầu của ông Qu không được chấp nhận nên ông tự chịu.

Về án phí dân sự sơ thẩm ông Quởn phải chịu theo quy định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 655,656,659 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 100, 203 Luật đất đai; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế theo di chúc yêu cầu ông Phạm Thành C, bà Châu Thị Ch hoàn trả phần diện tích đất thổ cư ngang 10,5m, dài 83m, toạ lạc tại ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh D.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Thành C cho tặng quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn Qu phần diện tích đất ngang 07m, dài 83m, toạ lạc tại ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh D.

Các đương sự có nghĩa vụ điều chỉnh, đăng ký quyền sử dụng đất (tên gọi khác là đăng ký đất đai) tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm ông Phạm Văn Qu phải chịu là 300.000 đồng (chưa nộp). Ngày 29/3/2019 ông Qu đã dự nộp 612.000đ tại lai số 0002289 được đối trừ chuyển thu sung quỹ nhà nước. Ông Quởn được hoàn lại 312.000 đồng khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn E – Chi nhánh thành phố C, bà Châu Thị Ch được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Đương sư;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Án văn (VPTANDTPCM);
- Lưu VT (TM:TANDTPCM).

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lương Tiến Sĩ